TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16/8/2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Minh;

Ông Huỳnh Bảo Nguyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Luân– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 382/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm: 1990; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh N.

Địa chỉ hiện nay: Số 303C đường Đồng Văn Cống, phường 7, thành phố B, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1982; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 103 ngày 30/10/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh C đã ly thân từ

năm 2017 cho đến nay. Vì thế về tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh C;

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần Kim N, sinh ngày 20/11/2013, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh và chị Trần Thị H chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, chị H bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần Kim N, sinh ngày 20/11/2013, hiện đang sống với chị H. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị H, bị đơn anh Nguyễn Văn C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh C.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và nuôi con với anh C nên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh C có nơi cư trú tại huyện Cái Bè nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị H và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 103 ngày 30/10/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị H cho rằng chị và anh C chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Chị và anh C đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị H xác định mâu thuẫn không thể giải quyết được, cuộc sống vợ cH không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh C. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C cũng có ý kiến trình bày anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Xét thấy sự thuận tình ly hôn của chị H và anh C là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh C về việc giao con chung tên Nguyễn Trần Kim N, sinh ngày 20/11/2013 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh C trình bày không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Kim N, sinh ngày 20/11/2013 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015572 ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị H đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị H, bị đơn anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Bắc A ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh